

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

Số 18 /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Ninh Bình, ngày 01 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về khuyến công;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công Thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương; Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về Khuyến công;

Căn cứ Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 23/01/2003 của HĐND tỉnh Ninh Bình về việc lập quỹ khuyến công;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công thương tại Tờ trình số 559/TTr-SCT ngày 12/6/2015, ý kiến của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 93/BC-STP ngày 04/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 31/2012/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Công thương, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Kho bạc nhà nước; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Bộ Công Thương;
 - Cục Kiểm tra VBQPPL- Bộ Tư pháp;
 - TT HĐND tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Trung tâm Công báo tỉnh;
 - Lưu: VT, VP3, VP5.
- QD.HB20

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đinh Quốc Trị

QUY CHẾ

Quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình
(Ban hành kèm theo Quyết định số.../2015/QĐ-UBND
ngày 01/7/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về quản lý kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, bao gồm: Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật.
2. Các cơ sở sản xuất công nghiệp áp dụng sản xuất sạch hơn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.
3. Tổ chức, cá nhân tham gia công tác quản lý, thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến công trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Chương II
QUẢN LÝ KINH PHÍ KHUYẾN CÔNG VÀ MỨC HỖ TRỢ
CHO CÁC HOẠT ĐỘNG KHUYẾN CÔNG**

Điều 3. Kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình

1. Nguồn kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình được hình thành từ các nguồn sau:
 - a) Ngân sách cấp tỉnh cấp theo kế hoạch hàng năm.
 - b) Tài trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
 - c) Các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình được sử dụng cho mục đích sau:
 - a) Hỗ trợ cho các hoạt động khuyến công quy định tại Điều 4, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21/5/2012 của Chính phủ về Khuyến công; Điều 5 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT ngày 18/02/2014 của Bộ Tài chính - Bộ Công thương hướng dẫn trình tự lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương và Điều 5 của Quy chế này.
 - b) Hỗ trợ cho các hoạt động khác phục vụ cho hoạt động khuyến công của tỉnh Ninh Bình.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình

1. Kinh phí khuyến công phải được sử dụng đúng mục đích, đúng nội dung và mức chi quy định tại Quy chế này.

2. Việc lập dự toán, sử dụng và quyết toán kinh phí thuộc nguồn vốn ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động khuyến công phải đảm bảo đúng quy định tại Điều 8 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT.

3. Kinh phí khuyến công do ngân sách tỉnh cấp nếu chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được chuyển sang năm sau thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 14, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP.

Điều 5. Nội dung và mức hỗ trợ hoạt động khuyến công

1. Hỗ trợ đào tạo nghề, truyền nghề ngắn hạn, gắn lý thuyết với thực hành theo nhu cầu của các cơ sở công nghiệp để tạo việc làm và nâng cao tay nghề cho người lao động. Mức hỗ trợ thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt danh mục nghề, định mức hỗ trợ đào tạo từ ngân sách nhà nước.

2. Hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản xuất sản phẩm mới, nâng cao năng lực sản xuất, bao gồm:

a) Hỗ trợ chi phí xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị; hoàn chỉnh tài liệu về quy trình công nghệ, quy trình sản xuất, phục vụ cho việc trình diễn kỹ thuật. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/mô hình.

b) Hỗ trợ đối với các cơ sở công nghiệp đang hoạt động có hiệu quả cần phổ biến, nhân rộng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 70 triệu đồng/mô hình.

3. Hỗ trợ chuyển giao công nghệ và ứng dụng máy móc tiên tiến, tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp; hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất (gồm đầu tư xây dựng, nâng cấp, mở rộng quy mô sản xuất, mua sắm máy móc thiết bị). Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 150 triệu đồng/cơ sở.

4. Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa, nâng cấp hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường tại các cơ sở công nghiệp; hỗ trợ đầu tư các phòng trưng bày, giới thiệu sản phẩm tiêu biểu, đặc sản của địa phương tại các khu, điểm du lịch. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí nhưng không quá 200 triệu đồng/cơ sở.

5. Hỗ trợ di dời cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, điểm sản xuất tập trung; hỗ trợ di dời cơ sở gây ô nhiễm môi trường sang địa điểm khác. Mức hỗ trợ tối đa 50 triệu đồng/cơ sở.

6. Hỗ trợ lãi suất vốn vay cho các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường di dời vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp (thực hiện hỗ trợ sau khi cơ sở công nghiệp nông thôn đã hoàn thành việc đầu tư). Mức hỗ trợ tối đa 50% lãi suất cho các khoản vay để đầu tư nhà, xưởng, máy móc, thiết bị trong năm đầu nhưng không quá 300 triệu đồng/cơ sở.

7. Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, cụm làng nghề. Mức hỗ trợ tối đa 50% chi phí nhưng không quá 300 triệu đồng/cụm.

8. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp (san lấp mặt bằng, hệ thống xử lý ô nhiễm tập trung). Mức hỗ trợ tối đa không quá 1,5 tỷ đồng/cụm công nghiệp.

9. Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu:

a) Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp tỉnh (tổ chức bình chọn, cấp giấy chứng nhận, tiền thưởng cho sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu, tổ chức trao giải và kinh phí thuê xe vận chuyển sản phẩm tham gia bình chọn cấp khu vực). Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/lần.

b) Hỗ trợ tổ chức bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp huyện. Mức hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/lần.

10. Thưởng cho các làng nghề, nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, nghệ nhân thủ công mỹ nghệ được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận. Mức thưởng 30 triệu đồng/làng nghề, 03 lần mức lương tối thiểu/nghệ nhân.

11. Hỗ trợ để thành lập hội, hiệp hội ngành nghề cấp tỉnh. Mức hỗ trợ tối đa 30% chi phí thành lập nhưng không quá 50 triệu đồng/hội, hiệp hội cấp tỉnh.

12. Mức hỗ trợ đối với các nội dung hoạt động khuyến công khác chưa quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định của Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT.

Điều 6. Danh mục ngành nghề, lĩnh vực được hỗ trợ từ hoạt động khuyến công tỉnh Ninh Bình

1. Chế biến nông, lâm nghiệp, thủy sản và chế biến thực phẩm.

2. Khai thác, chế biến khoáng sản tại những địa bàn có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn theo quy định của pháp luật.

3. Sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ và sử dụng nhiều lao động.

4. Sản xuất, gia công sản phẩm mới phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu, sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu; sản phẩm có tiềm năng phục vụ du lịch; sản phẩm của các nghề, làng nghề truyền thống.

5. Sản xuất sản phẩm cơ khí phục vụ nông, lâm nghiệp, thủy sản và các ngành kinh tế khác.

6. Sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo, sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; áp dụng sản xuất sạch hơn trong các cơ sở sản xuất công nghiệp; xử lý ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, cụm làng nghề và cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

7. Lập các dự án, đề án quy hoạch phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm làng nghề.

Điều 7. Điều kiện để được hỗ trợ kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình

1. Nội dung hoạt động khuyến công phù hợp với nội dung quy định tại Điều 4, Nghị định số 45/2012/NĐ-CP, Điều 5 Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BTC-BCT, Điều 5 Quy chế này và ngành nghề phù hợp với danh mục ngành nghề quy định tại Điều 6 Quy chế này.

2. Nhiệm vụ, đề án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.
3. Tổ chức, cá nhân đã đầu tư vốn hoặc cam kết đầu tư đủ kinh phí thực hiện đề án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt (sau khi trừ số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ).
4. Cam kết của tổ chức, cá nhân thực hiện đề án khuyến công chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của nhà nước cho cùng một nội dung chỉ được kinh phí khuyến công hỗ trợ.

Điều 8. Nguyên tắc ưu tiên hỗ trợ kinh phí khuyến công địa phương

Việc ưu tiên hỗ trợ kinh phí khuyến công tỉnh Ninh Bình thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 6 Thông tư số 46/2012/TT-BCT ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Công thương quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 45/2012/NĐ-CP ngày 21 tháng 5 năm 2012 của Chính phủ về khuyến công.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức có liên quan đến hoạt động khuyến công tỉnh Ninh Bình

1. Sở Công thương giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công có trách nhiệm:

a) Xây dựng chương trình khuyến công từng giai đoạn, kế hoạch khuyến công hàng năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

b) Thẩm định cơ sở, trình Bộ Công thương hỗ trợ các đề án có sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

c) Chỉ đạo Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại triển khai thực hiện các hoạt động theo chương trình, kế hoạch được duyệt.

d) Tổ chức các hoạt động thu hút nguồn vốn và các nguồn lực phục vụ cho hoạt động khuyến công tỉnh Ninh Bình.

e) Kiểm tra, giám sát, hướng dẫn triển khai thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công; theo dõi, đánh giá tình hình hoạt động khuyến công trên địa bàn, định kỳ 6 tháng, hàng năm tổng hợp kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Công thương.

f) Thực hiện công tác quản lý khác có liên quan đến hoạt động khuyến công.

2. Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại có trách nhiệm:

a) Trực tiếp quản lý kinh phí khuyến công và tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khuyến công tỉnh Ninh Bình.

b) Tổng hợp, đề xuất với Sở Công thương về chương trình, kế hoạch hoạt động khuyến công có sử dụng kinh phí khuyến công địa phương và khuyến công quốc gia. Trực tiếp ký hợp đồng triển khai hoạt động khuyến công có sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia.

c) Triển khai xây dựng, quản lý và chỉ đạo các đơn vị được hỗ trợ thực hiện các chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công đã được phê duyệt. Thực hiện

chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình kết quả thực hiện nhiệm vụ khuyến công theo yêu cầu của Sở Công thương, Cục Công nghiệp địa phương - Bộ Công thương.

d) Là cơ quan thường trực giúp Giám đốc Sở Công thương thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. UBND các huyện, thành phố phân công cán bộ theo dõi và phối hợp với Trung tâm khuyến công và xúc tiến thương mại để thực hiện công tác khuyến công trên địa bàn.

4. Các đối tượng được hỗ trợ kinh phí khuyến công có trách nhiệm:

a) Sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả nguồn vốn được hỗ trợ và quyết toán kịp thời khi kết thúc dự án, đề án theo quy định.

b) Chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

c) Báo cáo kết quả thực hiện đề án định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý về khuyến công.

d) Trong trường hợp cần điều chỉnh, bổ sung hoặc ngừng triển khai đề án, nhiệm vụ khuyến công, đơn vị thực hiện phải có văn bản gửi Trung tâm Khuyến công và xúc tiến thương mại để tổng hợp báo cáo Sở Công thương, Sở Tài chính xem xét có phương án xử lý theo quy định.

Điều 10. Triển khai tổ chức thực hiện Quy chế

Sở Công thương chủ trì, phối hợp với Sở tài chính và các cơ quan có liên quan hướng dẫn triển khai việc thực hiện Quy chế này.

Điều 11. Khen thưởng, xử lý vi phạm

Tổ chức, cá nhân thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Quy chế này và các quy định khác có liên quan sẽ được biểu dương, khen thưởng theo chế độ thi đua, khen thưởng hiện hành. Trường hợp tổ chức, cá nhân vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các tổ chức, cá nhân phản ánh về Sở Công thương để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quốc Trị